

Số: 929 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Hữu nghị Việt - Đức
tỉnh Thừa Thiên Huế nhiệm kỳ 2017 - 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Hữu nghị Việt - Đức tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2017 - 2022 của Hội Hữu nghị Việt - Đức tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Ngoại vụ; Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt - Đức tỉnh Thừa Thiên Huế và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP: VX và CV: ĐN, TH;
- Lưu: VT, NV.



Nguyễn Văn Cao

ĐIỀU LỆ
HỘI HỮU NGHỊ VIỆT - ĐỨC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 929/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Hữu nghị Việt-Đức tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tên viết tắt: Hội Việt - Đức TT-Huế.

3. Tên giao dịch bằng tiếng Đức: Die Vietnamesisch-Deutsche
Freundschaftsgesellschaft der Provinz Thua Thien Hue

Tên viết tắt: VDFG Hue.

4. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: The Vietnam-Germany Friendship
Association of Thua Thien Hue Province

Tên viết tắt: VGFA Hue.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Hữu nghị Việt - Đức tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Hội) là một tổ chức xã hội. Hội hoạt động nhằm tăng cường sự hiểu biết giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Đức; góp phần củng cố, thúc đẩy và tăng cường tình hữu nghị và mối quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao, du lịch... giữa Việt Nam và Đức nói chung và giữa nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế với nhân dân và tổ chức ở các địa phương của Đức nói riêng, góp phần xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế ngày càng giàu mạnh.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Trụ sở Hội: 24 Lý Thường Kiệt, thành phố Huế.

Điều 4. Lĩnh vực, phạm vi hoạt động

1. Hội hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại nhân dân, trên phạm vi của tỉnh Thừa Thiên Huế. Hội có quan hệ hợp tác, đối tác với các cá nhân, tổ chức, đơn vị, địa phương khác trong nước và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nội vụ và sự quản lý của Sở Ngoại vụ về lĩnh vực chuyên ngành hoạt động của Hội. Hội được sự hướng dẫn về chủ trương, đường lối, phương hướng hoạt

động. Hội là thành viên của Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh Thừa Thiên Huế và chịu sự kiểm tra, giám sát của Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản;
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai minh bạch;
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động;
4. Không vì mục đích lợi nhuận;
5. Tuân thủ hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 6. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức các hoạt động của Hội theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt.

2. Tổ chức các hoạt động nhằm củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giao lưu kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao, du lịch giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Đức.

3. Tuyên truyền, giới thiệu với nhân dân các địa phương nước Đức về lịch sử, đất nước, con người, văn hóa và những thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân Thừa Thiên Huế nói riêng và ngược lại.

4. Giới thiệu với nhân dân các địa phương nước Đức về đường lối chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và nhà nước ta. Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội trên địa bàn Thừa Thiên Huế tiến hành các hoạt động nhằm thắt chặt tình hữu nghị giữa nhân dân Thừa Thiên Huế và nhân dân, các địa phương và tổ chức của Đức theo đường lối phát triển quan hệ quốc tế đa phương hóa và đa dạng hóa của Việt Nam.

5. Góp phần trao đổi thông tin, tuyên truyền và giới thiệu về những kinh nghiệm về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao, du lịch của Đức tại Thừa Thiên Huế.

6. Hỗ trợ và làm cầu nối cho các mối quan hệ hợp tác về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao, du lịch... giữa các tổ chức, cá nhân của Thừa Thiên Huế với các đối tác Đức.

7. Tham gia cùng Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và Trung ương Hội Hữu nghị Việt - Đức trong các hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác, phát triển của nhân dân Thừa Thiên Huế nói riêng, nhân dân Việt Nam nói chung với nhân dân Đức và nhân dân các nước.

8. Kêu gọi nguồn viện trợ nhân đạo của các tổ chức phi chính phủ, đoàn thể, tổ chức xã hội, người Việt Nam ở nước ngoài và các cá nhân khác nhằm đóng góp thiết thực vào tiến trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh nhà.

Điều 7. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội. Đại diện cho hội viên trong mỗi quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

2. Tự chủ trong hoạt động trên cơ sở đảm bảo đúng chủ trương, nhiệm vụ được giao, được tham gia các chương trình hợp tác với các đối tác Đức theo đúng thẩm quyền cho phép.

3. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước. Cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề có liên quan đến sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

6. Gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên

1. Hội viên chính thức: Những người Việt Nam đã từng học tập, lao động, sinh sống tại nước Đức và đang sinh sống và hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, tán thành Điều lệ Hội và nộp đơn xin gia nhập Hội, nếu được Ban Chấp hành Hội quyết định công nhận thì trở thành hội viên chính thức.

2. Hội viên liên kết: các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài đang hoạt động, sản xuất, kinh doanh hợp pháp tại Thừa Thiên Huế với tinh thần tự nguyện giúp đỡ về tài chính, công sức, trí tuệ; tán

thành Điều lệ Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

3. Hội viên danh dự: những cá nhân là người Việt Nam và Đức tiêu biểu có nhiều đóng góp xuất sắc cho việc thực hiện tôn chỉ, mục đích của Hội, được Ban chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên danh dự.

4. Hội viên liên kết và hội viên danh dự có quyền và trách nhiệm như hội viên chính thức, trừ quyền bầu cử, ứng cử vào các vị trí lãnh đạo của Hội và biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng và biểu quyết thông qua các quyết định, chủ trương và chương trình hoạt động của Hội.

3. Được tham gia đề cử, ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội.

4. Được tham gia các hoạt động của Hội và được Hội giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động nhằm mục đích góp phần tăng cường mối quan hệ hữu nghị và sự hợp tác giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Đức trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao, du lịch... phù hợp với mục tiêu của Hội.

5. Được quyền ra khỏi Hội khi được sự đồng ý của Ban Thường vụ Hội.

6. Được quyền tham gia các tổ chức xã hội hợp pháp khác.

7. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành Điều lệ và thực hiện Nghị quyết của Đại hội, các chủ trương và chương trình công tác của Ban Chấp hành Hội.

2. Tích cực tham gia các hoạt động của Hội nhằm gìn giữ, phát huy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Đức.

3. Tuyên truyền rộng rãi về Hội trong nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân Thừa Thiên Huế nói riêng để thu hút hội viên mới và mở rộng phạm vi hoạt động của Hội.

4. Tham gia đầy đủ các hoạt động và sinh hoạt Hội.

5. Đóng góp hội phí theo quy định.

Điều 11. Thể thức vào hội, ra hội

1. Người gia nhập Hội phải tự nguyện viết đơn xin vào Hội và được Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định.

2. Khi muốn ra khỏi Hội, hội viên làm đơn gửi Ban Thường vụ Hội để xóa tên trong danh sách hội viên.

3. Hội viên hoạt động trái với Điều lệ và nghị quyết của Hội hoặc không sinh hoạt Hội trong 2 (hai) năm liên tục sẽ bị Ban Thường vụ Hội quyết định xóa tên trong danh sách hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

Tổ chức của Hội gồm:

1. Đại hội;
2. Ban Chấp hành;
3. Ban Thường vụ;
4. Ban Kiểm tra;
5. Ban Thư ký và các ban chuyên môn, tổ chức trực thuộc (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên của Hội là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, được triệu tập 5 năm một lần.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Tổng kết, đánh giá các mặt hoạt động, công tác quản lý và điều hành của Hội trong nhiệm kỳ trên cơ sở Điều lệ Hội và các nghị quyết của Đại hội nhiệm kỳ trước;

b) Báo cáo, phê chuẩn định hướng hoạt động và các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ mới;

c) Báo cáo tình hình thu chi tài chính nhiệm kỳ trước và dự toán kinh phí cho nhiệm kỳ mới;

d) Thảo luận việc sửa đổi, bổ sung và biểu quyết thông qua Điều lệ hoặc đổi tên Hội; quyết định việc chia, tách, sát nhập, hợp nhất, giải thể Hội;

đ) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội nhiệm kỳ mới;

e) Thông qua các nghị quyết của Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được $\frac{1}{2}$ (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành là cơ quan điều hành hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội. Số lượng thành viên của Ban Chấp hành do Đại hội quyết định, gồm: đại diện các sở, ban, ngành, tổ chức nhân dân, doanh nghiệp, một số cá nhân tiêu biểu, người đứng đầu hoặc người đại diện cho các thành viên tập thể.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội, Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành Hội họp 3 tháng một lần hoặc có thể họp bất thường do Ban Thường vụ đề nghị.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành, do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp 3 tháng 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ họp lệ khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm: Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Ban Thư ký

Ban Thư ký (nếu có) gồm: Tổng Thư ký và các ủy viên. Ban Thư ký có nhiệm vụ giúp Ban Thường vụ chuẩn bị nội dung các kỳ họp và triệu tập các kỳ họp; theo dõi, giúp đỡ các hội viên trong việc triển khai tổ chức hoạt động; giải quyết các công việc hàng ngày của Hội, quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài liệu và tài chính của Hội.

Điều 18. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

- a) Lãnh đạo, quản lý và chịu trách nhiệm mọi hoạt động của Hội;
- b) Thay mặt Ban Chấp hành phối hợp với các cơ quan quản lý ngành thực hiện các hoạt động trong quan hệ đối ngoại, đối nội của Hội;
- c) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;
- d) Chủ trì cuộc họp Ban Chấp hành nhiệm kỳ kế tiếp cho đến khi bầu xong Chủ tịch mới;
- đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 19. Chủ tịch danh dự Hội

Hội có thể mời một nhà lãnh đạo có uy tín, có tâm huyết và nhiệt tình thúc đẩy quan hệ, hợp tác giữa Thừa Thiên Huế và các địa phương ở Đức và sự phát triển của Hội làm Chủ tịch danh dự của Hội. Chủ tịch danh dự do Đại hội hoặc Ban Chấp hành Hội mời theo nhiệm kỳ Đại hội của Hội.

Điều 20. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Phó Chủ tịch Hội là người giúp Chủ tịch Hội trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác, được thay mặt Chủ tịch Hội giải quyết công việc hàng ngày của Hội và báo cáo cho Chủ tịch Hội những nội dung công việc đã giải quyết. Giúp Chủ tịch báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Hội cho các cơ quan có thẩm quyền liên quan theo quy định.

Điều 21. Thể thức thành lập của các Ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc

1. Hội thành lập các Ban chuyên môn có chức năng tham mưu và giúp Ban chấp hành thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội theo các lĩnh vực chuyên môn tùy theo yêu cầu và điều kiện cụ thể.

2. Hội thành lập các tổ chức, chi hội trực thuộc theo từng địa bàn hoặc từng đơn vị tùy theo yêu cầu và điều kiện cụ thể. Các tổ chức, chi hội cử ra một ban phụ trách để lãnh đạo công tác của tổ chức, chi hội trực thuộc và sự chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn của Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 22. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 23. Tài sản và tài chính của Hội

1. Tài sản và tài chính của Hội được hình thành từ các nguồn:

a) Hội phí do các hội viên đóng góp (do Ban Chấp hành Hội quy định hằng năm);

b) Ủng hộ tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bằng tiền hoặc hiện vật phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi

a) Đại hội, hội nghị, các cuộc gặp mặt hội viên;

b) Công tác hành chính;

c) Hỗ trợ các công tác xã hội của địa phương theo khả năng;

d) Về tài sản;

đ) Các trang thiết bị được mua sắm cho hoạt động của văn phòng Hội và phục vụ cho các hoạt động xây dựng quỹ Hội là tài sản chung của Hội được quản lý chặt chẽ;

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính

1. Hoạt động tài chính của Hội phải thực hiện theo các quy định của pháp luật và các chế độ tài chính hiện hành.

2. Chủ tịch Hội là chủ tài khoản, là người quyết định thu chi và chịu trách nhiệm trước Ban chấp hành và Ban kiểm tra.

3. Chủ tài khoản của Hội chịu trách nhiệm quản lý và bàn giao tài sản và tài chính theo đúng quy định của pháp luật cho người kế nhiệm khi có sự thay đổi.

4. Khi Hội giải thể thì việc giải quyết tài sản, tài chính của hội do Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên quyết định và theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Hội viên và các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp trong các hoạt động của Hội sẽ được Hội xem xét, khen thưởng hoặc đề nghị Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh khen thưởng theo quy định. Trường hợp có thành tích đóng góp đặc biệt xuất sắc, Hội có thể đề xuất Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, có hình thức khen thưởng phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, thủ tục, tiêu chuẩn và hình thức khen thưởng trong nội bộ Hội.

Điều 26. Kỷ luật

1. Hội viên và các tổ chức Chi hội vi phạm pháp luật Nhà nước, Điều lệ, Nghị quyết của Hội, làm ảnh hưởng đến danh dự và lợi ích của Hội, tùy theo mức độ mà xử lý bằng các hình thức khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn hoặc khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thủ tục và thẩm quyền kỷ luật trong nội bộ Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

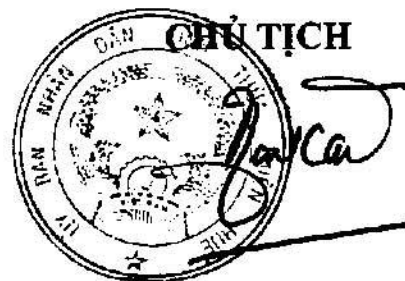
Điều 27. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên của Hội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội. Trong trường hợp đặc biệt thì Hội nghị mở rộng của Ban Chấp hành Hội với các tổ chức, chi hội trực thuộc mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này và phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 08 Chương, 28 Điều đã được thông qua tại Đại hội Hội Hữu nghị Việt - Đức lần thứ I nhiệm kỳ 2017 - 2022 vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Hữu nghị Việt - Đức tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.



Nguyễn Văn Cao